

Khám phá việc sử dụng các từ chỉ bản thân trong các luận văn tiếng Anh của tác giả người Việt

Phó Phương Dung*, Cao Thị Phương Dung



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Trong bối cảnh tiếng Anh trở thành công cụ quan trọng trong nghiên cứu khoa học toàn cầu, kỹ năng viết học thuật với giọng văn và lập trường của tác giả đóng vai trò thiết yếu. Nghiên cứu này khảo sát việc sử dụng các từ chỉ bản thân tác giả trong các luận văn bằng tiếng Anh của học viên Việt Nam trong chương trình Thạc sĩ Lý luận và Phương pháp Dạy học Tiếng Anh. Mục tiêu cụ thể là phân tích tần suất và chức năng của các từ chỉ bản thân, với hai trọng tâm: (1) xác định tần suất xuất hiện và (2) tìm hiểu các chức năng tu từ của chúng. Nghiên cứu áp dụng phương pháp định lượng và định tính, với kho ngữ liệu gồm 30 luận văn cao học từ năm 2020 đến năm 2024. Kết quả cho thấy, các đại từ ngôi thứ nhất số ít, đặc biệt là 'I' và 'my', xuất hiện với tần suất cao nhất, trong khi các đại từ ngôi thứ nhất số nhiều rất hiếm. Mặc dù các từ ngôi thứ nhất số ít xuất hiện với tần suất cao hơn, xu hướng tổng thể vẫn nghiêng về sử dụng danh ngữ ngôi thứ ba để duy trì tính khách quan. Chức năng phổ biến nhất của các từ chỉ bản thân là giải thích quy trình nghiên cứu, trong khi định nghĩa thuật ngữ và nêu hạn chế ít sử dụng từ chỉ bản thân để diễn đạt nhất. Nghiên cứu góp phần làm rõ cách sử dụng các từ chỉ bản thân trong viết học thuật và cung cấp dữ liệu quý giá cho các học viên Việt Nam.

Từ khoá: từ chỉ bản thân, giọng văn tác giả, bài viết học thuật tiếng Anh, chức năng tu từ, luận văn cao học

GIỚI THIỆU

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay và với vai trò ngày càng quan trọng của tiếng Anh như một ngôn ngữ toàn cầu sử dụng trong nghiên cứu khoa học, kỹ năng viết tiếng Anh trở thành một kỹ năng thiết yếu để có thể tồn tại trong giới học thuật và chia sẻ kết quả nghiên cứu với cộng đồng khoa học¹.

Thông thường khi nghĩ đến kỹ năng viết tiếng Anh, người ta thường quan tâm đến ý tưởng, từ vựng, ngữ pháp. Tuy nhiên, trong văn viết, nhất là trong lĩnh vực viết học thuật (academic writing), giọng văn, tiếng nói hay lập trường của tác giả (authorial stance/ authorial voice) cũng quan trọng không kém²⁻⁴. Theo Morton và Storch⁵, các tác giả chưa có nhiều kinh nghiệm viết thường gặp khó khăn trong việc viết bài báo khoa học sao cho thể hiện được quan điểm, lập trường của mình, để được chấp thuận trong cộng đồng học thuật mà mình đang tham gia. Bằng cách nắm vững các quy ước này, các tác giả còn non trẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm (novice writers) có thể hòa nhập vào cộng đồng học thuật trong lĩnh vực, chuyên ngành của mình và dễ dàng được chấp nhận hơn.

Đã có khá nhiều nghiên cứu đề cập đến những khó khăn của các tác giả khi họ phải viết báo cáo khoa học bằng ngôn ngữ thứ hai^{6,7}. Viết một báo cáo khoa

học bằng tiếng mẹ đẻ đã khó; viết một báo cáo khoa học bằng ngoại ngữ lại càng khó gấp bội, trong đó một trong những rào cản chính là giọng văn (authorial stance/ authorial voice) phù hợp.

Các nghiên cứu trong lĩnh vực này đã cho thấy có những sự khác nhau giữa cách viết của các tác giả đến từ các nền văn hóa và có ngôn ngữ thứ nhất khác nhau⁸. Ngoài ra, một số nghiên cứu cũng đã chỉ ra sự khác nhau về cách sử dụng các từ chỉ bản thân (self-mention) giữa các lĩnh vực, chuyên ngành khác nhau^{9,10}. Tuy nhiên, đến nay có rất ít các nghiên cứu tương tự ở Việt Nam. Chỉ có bài viết của Nguyễn Đức Long¹¹ về đại từ nhân xưng nhưng nghiên cứu này tập trung vào các bài báo khoa học xã hội ở Việt Nam. Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm khảo sát cách sử dụng các từ chỉ bản thân tác giả trong các luận văn viết bằng tiếng Anh của tác giả người Việt. Trong nghiên cứu này của chúng tôi, 'tác giả người Việt' là các học viên người Việt thực hiện viết luận văn cao học bằng tiếng Anh trong Chương trình Thạc sĩ Lý luận và Phương pháp Dạy học Tiếng Anh (TESOL) tại một trường đại học ở Việt Nam.

Ở đề tài nghiên cứu này, chúng tôi tập trung vào việc:

1. Khảo sát tần suất xuất hiện của các từ chỉ bản thân tác giả trong các luận văn tiếng Anh của tác giả người Việt;

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

Liên hệ

Phó Phương Dung, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

Email: phophuongdung@hcmussh.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 07-8-2024
- Ngày sửa đổi: 22-1-2025
- Ngày chấp nhận: 14-02-2025
- Ngày đăng: 31-3-2025

DOI:

<https://doi.org/10.32508/stdjssh.v9i1.1051>



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Trích dẫn bài báo này: Dung P P, Dung C T P. **Khám phá việc sử dụng các từ chỉ bản thân trong các luận văn tiếng Anh của tác giả người Việt.** *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2025; 9(1):2870-2884.

2. Tìm hiểu các chức năng tu từ của các từ chỉ bản thân tác giả trong luận văn tiếng Anh của tác giả người Việt.

TỔNG QUAN

Từ chỉ bản thân (self-mention)

Việc sử dụng đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất thường được xem là biểu hiện rõ ràng nhất về danh tính hay sự hiện diện của tác giả (authorial presence)^{12,13}. Theo lập luận của Hyland, “việc sử dụng *tôi* hay *chúng tôi* gợi đến người đọc thông điệp rõ ràng về việc câu nói của tác giả nên được diễn giải như thế nào, thể hiện rõ lập trường của người viết đối với những luận điểm của mình, đối với người đọc, và đối với cộng đồng của họ” [⁹, tr.67].

Đã có khá nhiều nghiên cứu về đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất trong văn bản khoa học, nhưng hầu hết các nghiên cứu này dựa trên khối liệu là các bài báo đăng trên tạp chí do các tác giả đã có kinh nghiệm viết^{14,15}. Cũng có một số nghiên cứu về cách dùng đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất trong các luận án tiến sĩ¹⁶. Tuy nhiên, có khá ít nghiên cứu về cách dùng các từ này trong các báo cáo khoa học của người mới bắt đầu viết, chưa có nhiều kinh nghiệm như sinh viên, học viên cao học. Các nghiên cứu về việc sử dụng ‘I’ hay ‘we’ trong văn viết của sinh viên đại học thường sử dụng nguồn ngữ liệu là các bài văn nghị luận (argumentative essays)^{17,18}. Tuy nhiên, đây là một thể loại hoàn toàn khác so với báo cáo khoa học. Số ít nghiên cứu về báo cáo khoa học của học viên cao học, cụ thể là luận văn cao học, có thể kể đến nghiên cứu gần đây của Yasmin và Mahmood¹⁹. Nghiên cứu này xem xét việc sử dụng đại từ nhân xưng trong 30 luận văn thạc sĩ chuyên ngành Tiếng Anh và Tâm lý học do người Pakistan viết.

Đối với học viên chuyên ngành Ngôn ngữ Anh hay Giảng dạy tiếng Anh ở Việt Nam, luận văn thường được viết bằng tiếng Anh. Đây thực sự là một thách thức rất lớn cho người không phải bản ngữ Anh (non-native speakers of English). Tuy nhiên, hầu như chưa có nghiên cứu nào tìm hiểu về cách sử dụng các từ chỉ bản thân trong báo cáo khoa học viết bằng tiếng Anh của tác giả người Việt. Ở đề tài này, chúng tôi nghiên cứu cả dạng thức và chức năng tu từ của các từ chỉ bản thân tác giả.

Dạng thức (Forms) của các từ chỉ bản thân

Như đã đề cập bên trên, thông thường khi nhắc đến từ chỉ bản thân (self-mention terms), người ta sẽ nghĩ ngay đến các đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất (first person pronouns) như ‘I’, ‘we’. Trong khi đó, văn viết thường được xem là trang trọng hơn so với văn nói.

Do đó, không có gì ngạc nhiên khi người học tiếng Anh thường được khuyên nên tránh dùng đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất, nhất là trong văn phong khoa học vốn đòi hỏi tính khách quan trong cách trình bày. Tuy nhiên, không thể tránh khỏi việc các tác giả cần nhắc đến bản thân trong bài viết của mình. Do vậy, một số tác giả sẽ dùng đến các hình thức khác để nói đến bản thân mình, cụ thể là việc sử dụng các danh ngữ ngôi thứ ba như ‘the author/ the writer’ (tác giả), ‘the researcher’ (nhà nghiên cứu)^{20,21}.

Đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất là một trong những đặc điểm ngôn ngữ được khảo sát nhiều nhất trong các nghiên cứu về các từ chỉ bản thân tác giả (self-mention)^{4,22}. Tuy nhiên, thuật ngữ ‘đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất’ (first person pronouns) có phần hạn chế vì nó loại trừ các dạng thức khác cũng có thể được dùng để nói về bản thân tác giả. Do đó, trong nghiên cứu này, chúng tôi dùng từ ‘self-mention’ của Hyland^{7,9} và một số nhà nghiên cứu khác (tạm dịch là ‘từ chỉ bản thân’) để chỉ cả ba nhóm từ sau:

1. Các từ ngôi thứ nhất số ít (first person singulars) (*I, me, my, mine, myself*)
2. Các từ ngôi thứ nhất số nhiều (first person plurals) (*we, us, our, ours, ourselves*)
3. Các danh ngữ ngôi thứ ba (third person noun phrases) (*the author(s), the writer(s), the researcher(s)*)

Các nghiên cứu về các từ chỉ bản thân hầu hết tập trung nghiên cứu tần suất sử dụng của các đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất trong các bài báo khoa học đăng tạp chí viết bằng tiếng Anh hoặc của người bản ngữ Anh^{23,24} hoặc so sánh việc sử dụng các đại từ này trong các bài báo tiếng Anh của tác giả người Anh và người sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai. Các nghiên cứu này thường về các tác giả người châu Âu (ví dụ, người Thổ Nhĩ Kỳ trong nghiên cứu của Karahan²⁵, Slovak trong nghiên cứu của Walková²⁶ hay Tây Ban Nha trong nghiên cứu của Martínez²⁷). Các nghiên cứu tương tự đối với người gốc châu Á còn khá ít, phần lớn là các nghiên cứu về cách viết của người Trung Quốc^{28,29} hay người Indonesia^{30,31}. Hầu như chưa có nghiên cứu nào về việc sử dụng các từ chỉ bản thân trong bài viết tiếng Anh của tác giả người Việt.

Theo Hyland²³, có một sự khác biệt đáng kể trong việc sử dụng các từ chỉ bản thân trong các bài báo nghiên cứu giữa các ngành Khoa học xã hội và Khoa học tự nhiên. Trong các ngành Khoa học xã hội, như Xã hội học và Tâm lý học, các tác giả thường sử dụng các đại từ ngôi thứ nhất như ‘I’ và ‘we’ để nhấn mạnh sự tham gia cá nhân và góc nhìn của họ trong quá trình nghiên cứu, tạo ra cảm giác gắn kết và cái nhìn chủ quan⁹. Cách tiếp cận này giúp làm nổi bật vai trò của nhà nghiên cứu trong việc diễn giải và phân tích dữ liệu, điều này thường rất quan trọng trong các

nghiên cứu liên quan đến hành vi con người và hiện tượng xã hội¹⁹. Ngược lại, trong các ngành Khoa học tự nhiên như Vật lý và Hóa học, việc sử dụng các từ chỉ bản thân thường được giảm thiểu để duy trì giọng điệu khách quan và không mang tính cá nhân²³. Các nhà nghiên cứu trong các lĩnh vực này thích sử dụng cấu trúc bị động hoặc các danh ngữ ngôi thứ ba như ‘the researcher’ để tập trung vào dữ liệu và phương pháp hơn là cá nhân thực hiện nghiên cứu²⁴. Sự khác biệt này nhấn mạnh những điểm khác nhau về tính chủ quan và khách quan giữa các ngành, phản ánh các phương pháp luận và nền tảng nhận thức của chúng²⁸.

Chức năng tu từ (Rhetorical functions) của các từ chỉ bản thân

Một số nghiên cứu về các từ chỉ bản thân không chỉ xem xét tần suất xuất hiện của các từ chỉ bản thân trong viết học thuật mà còn xem xét các chức năng tu từ của các từ này. Có thể nói, Tang và John³² là một trong những nhóm nghiên cứu đầu tiên đưa ra sáu chức năng của đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất trong văn bản học thuật, thể hiện sự hiện diện của tác giả từ mờ nhạt nhất (không dùng ‘I’ hoặc ‘I’ là người đại diện (‘I as representative’) như trong ví dụ (1)) đến rõ ràng nhất (‘I’ là người khởi xướng (‘I as originator’) như trong ví dụ (2)) (xem Hình 1).

1. *We know that all dialects of English, whether standard or non-standard, are capable of conveying complex thought* [³⁰, tr. S36].
2. *To me the phrase embodies the whole evolution process of the language to its present day status* [³⁰, tr. S37].

Sau đó Hyland⁹ dựa vào mô hình này đưa ra năm chức năng của các đại từ này trong các báo cáo khoa học của các sinh viên đại học ở Hồng Kông: (1) *nói về lợi ích cho bản thân*, (2) *nêu mục đích*, (3) *giải thích quá trình nghiên cứu*, (4) *giải thích một luận điểm*, và (5) *nêu kết quả*. Tương tự Tang và John³², Hyland⁹ cũng sắp xếp các chức năng này theo thứ tự về sự hiện diện của tác giả từ ít (1) đến mạnh mẽ nhất (5). Tuy nhiên, cần lưu ý rằng khác với nghiên cứu của Tang và John³², nghiên cứu của Hyland⁹ không xem xét các từ ‘we’ với nghĩa *chúng ta* (‘inclusive we’ để bao gồm người đọc) mà chỉ xét các từ ‘we’ với nghĩa *chúng tôi* (‘exclusive we’ để chỉ bản thân tác giả) thôi. Nghiên cứu này của chúng tôi cũng sẽ áp dụng cách phân tích này của Hyland⁹ vì việc phân biệt giữa ‘inclusive we’ và ‘exclusive we’ giúp làm rõ hơn vai trò và quan điểm của tác giả trong nghiên cứu. Việc chỉ tập trung vào ‘exclusive we’ cho phép chúng tôi phân tích cụ thể

cách mà các học viên cao học sử dụng đại từ để thể hiện cá nhân và vai trò của họ trong quá trình nghiên cứu, từ đó có thể cung cấp cái nhìn sâu hơn về cách mà họ duy trì tính khách quan hoặc thể hiện lập trường cá nhân trong luận văn của họ.

Cách phân loại chức năng tu từ của các từ chỉ bản thân của Hyland⁹ đã được nhiều nhà nghiên cứu áp dụng. Ví dụ, nghiên cứu của Khedri²⁴ chỉ ra rằng các tác giả người Anh thường sử dụng các từ chỉ bản thân để nói về phương pháp nghiên cứu trong các bài báo thuộc lĩnh vực Ngôn ngữ học ứng dụng hay Tâm lý học, trong khi các tác giả thường dùng các từ này để trình bày kết quả nghiên cứu trong các bài báo thuộc lĩnh vực Kỹ sư môi trường hay Hóa học.

Trong số các nghiên cứu gần đây nhất phải kể đến nghiên cứu của Walková²⁶ và của Wang và Zeng²⁸. Wang và Zeng²⁸ đưa ra mô hình các chức năng như trong Hình 2 với các chức năng: (1) *nêu mục đích*, (2) *giải thích quá trình nghiên cứu*, (3) *nhắc đến các nghiên cứu trước*, (4) *giải thích luận điểm*, và (5) *trình bày kết quả nghiên cứu* với sự hiện diện của tác giả từ mờ nhạt đến rõ ràng (xem Hình 2).

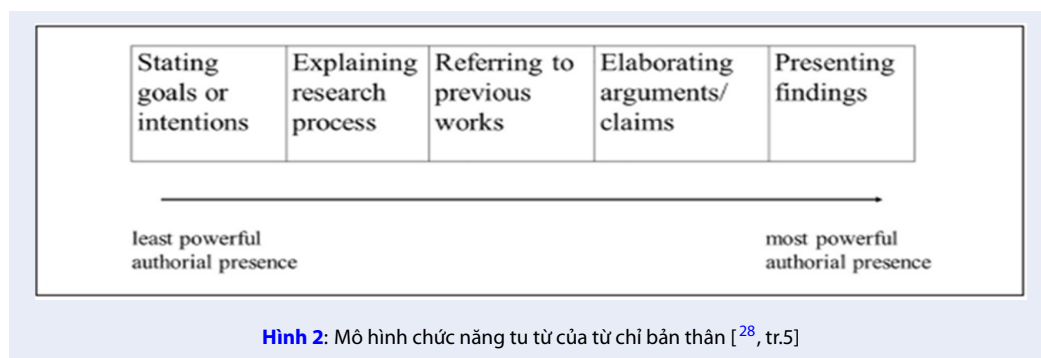
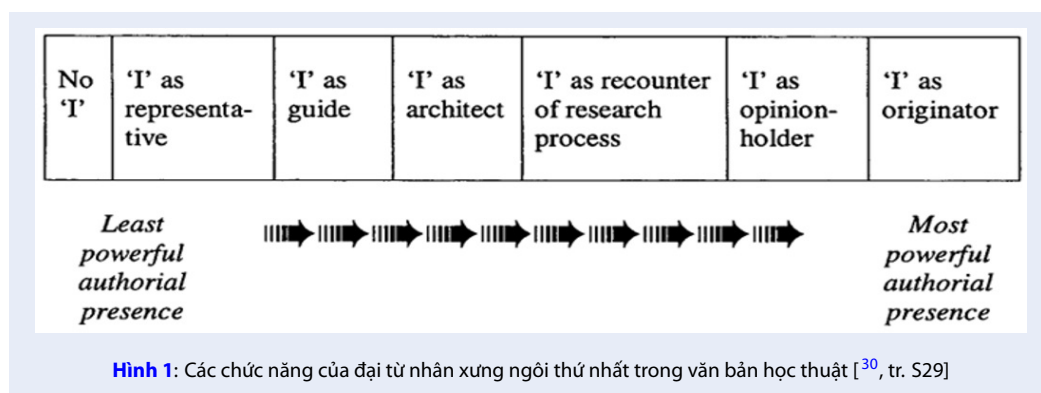
Khi phân tích chức năng tu từ của các từ chỉ bản thân trong nghiên cứu này, chúng tôi dựa chính trên mô hình của Hyland⁹ với 5 chức năng như trình bày bên trên, bổ sung thêm chức năng (6) *Định nghĩa thuật ngữ* (theo đề xuất của Harwood³³ và Menkabu³⁴), (7) *Nêu hạn chế* (theo đề xuất của Dueñas³⁵).

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong nghiên cứu này, chúng tôi kết hợp phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính. Phương pháp định lượng dựa trên việc thống kê tần suất xuất hiện của các từ chỉ bản thân trong kho ngữ liệu (corpus) do chúng tôi tự xây dựng từ các luận văn cao học chuyên ngành Lý luận và Phương pháp Dạy học Tiếng Anh. Phương pháp định tính được sử dụng trong việc diễn giải các chức năng tu từ (rhetorical functions) của các từ chỉ bản thân trong ngữ cảnh.

Kho ngữ liệu về luận văn cao học

Để xây dựng kho ngữ liệu này, trước hết chúng tôi liên hệ các cựu học viên cao học của Chương trình Thạc sĩ về Lý luận và Phương pháp Dạy học Tiếng Anh tại một trường đại học lớn ở phía Nam của Việt Nam. Chuyên ngành này được chọn do hầu như đây là một trong những chuyên ngành hiếm hoi ở bậc Cao học tại các trường công lập ở Việt Nam, một nước sử dụng tiếng Anh như tiếng nước ngoài (English as a foreign language), mà học viên phải trình bày luận văn bằng tiếng Anh. Do việc viết cũng như cách thể hiện giọng



văn của tác giả có thể thay đổi theo thời gian, chúng tôi chỉ tổng hợp các luận văn được bảo vệ trong 5 năm gần nhất (từ năm 2020 đến năm 2024).

Đầu tiên, chúng tôi email cho tất cả các học viên thỏa điều kiện này để trình bày về nghiên cứu của chúng tôi và mời tham gia nghiên cứu. Những học viên nào đồng ý tham gia sẽ xác nhận tham gia và gửi lại luận văn (file .pdf) cho nhóm tác giả. Chúng tôi nhận được tổng cộng 30 luận văn và sử dụng toàn bộ các luận văn này để xây dựng kho ngữ liệu.

Sau khi thu thập được các luận văn, chúng tôi tiến hành chuyển đổi file .pdf sang dạng .txt. Mọi thông tin liên quan đến tác giả đều được xóa khỏi kho dữ liệu để đảm bảo tính bảo mật. Ngoài ra, chúng tôi xóa toàn bộ các trang đầu của luận văn, chỉ giữ lại phần Tóm tắt (Abstract) do chúng tôi xem đây là một phần của luận văn (được viết từ nghiên cứu của tác giả). Các trang cuối của luận văn (Danh mục tài liệu tham khảo, các phụ lục) đều được bỏ ra. Như vậy, mỗi luận văn chúng tôi chỉ giữ lại phần Tóm tắt và phần chính văn (từ chương *Giới thiệu* đến chương *Kết luận* của luận văn).

Sau đó, chúng tôi tiến hành bước làm sạch dữ liệu. Ở bước này, chúng tôi đọc lại từng luận văn, bỏ hết các trích dẫn trực tiếp (direct quotes) trong các chương *Tổng quan* cũng như chương *Kết quả* (nếu có) do

việc dùng các từ chỉ bản thân trong các trích dẫn này
không phải chỉ bản thân tác giả bài viết.

Các bài viết ở dạng .txt sau khi được làm sạch được nhập vào phần mềm Sketch Engine để tạo kho ngữ liệu và gán thẻ từ loại (POS-tagging), chuẩn bị cho phần trích xuất các từ chỉ bản thân cho nghiên cứu này của chúng tôi. Tổng số từ (word tokens) trong kho ngữ liệu của chúng tôi là 798.147 từ.

Tiếp đến, chúng tôi chạy chương trình kho ngữ liệu (concordances) để trích xuất các từ chỉ bản thân tác giả theo 3 nhóm từ như đã trình bày bên trên. Sau đó, chúng tôi kiểm tra từng trường hợp trích xuất có đúng từ chỉ bản thân tác giả không và thống kê tần suất xuất hiện (tính trên 10.000 từ) của các từ chỉ bản thân tác giả theo công thức sau:

$$\text{Tần suất trên 10.000 từ} = (\text{Tần suất xuất hiện (TS)} \times 10.000) / 798.147$$

Sau khi trích xuất được các câu có chứa các từ chỉ bản thân tác giả, chúng tôi xem xét từng câu một để xác định chức năng tu từ dựa trên khung 7 chức năng mà chúng tôi đã trình bày bên trên. Tuy nhiên, trong quá trình phân tích, chúng tôi thấy cần thiết phải bổ sung thêm một chức năng (8) *Liên hệ kinh nghiệm bản thân* vì nhiều câu chứa các từ chỉ bản thân thể hiện rõ ràng sự liên hệ giữa kinh nghiệm cá nhân của tác giả với nội dung nghiên cứu và vì việc xác định chức năng

ở những trường hợp này là một trong 7 chức năng theo khung 7 chức năng để nghị ở trên đều không thỏa đáng.

Dưới đây, chúng tôi trích ví dụ minh họa từ kho ngữ liệu cho từng chức năng:

(1) Giải thích một luận điểm

Due to the fact that there were only 4 participants in the interview, I found that it would be impractical to use Nvivo to analyze data.

(2) Nêu lợi ích bản thân

I learned that knowing the tool not only helped with designing the course but also in managing my time.

(3) Định nghĩa thuật ngữ

For such reason, I have arrived at my operational definition of BL for this study as a pedagogically organized combination of onsite learning and appropriate technology to maximize the advantage of both online and onsite learning environments.

(4) Liên hệ kinh nghiệm bản thân

I was scoring straight A's in teaching-related courses, so that comment struck me quite hard.

(5) Nêu hạn chế

The most important limitation of this study lies in the fact that the researcher did not conduct an interview following the post-study questionnaire.

(6) Giải thích quy trình nghiên cứu

Before the exam, I gave instructions on the testing procedure and informed the students about the questionnaire.

(7) Trình bày kết quả

The outcome mentioned above was very much in tune with the notes that I had taken in my teacher journal.

(8) Nêu mục đích

In chapter 1, the researcher presents the background and the rationale of the study.

Cuối cùng, chúng tôi tiến hành thống kê các chức năng tu từ của các từ chỉ bản thân tác giả trong các bài luận văn cũng theo công thức tương tự như cách tính tần suất xuất hiện trình bày bên trên.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Tần suất xuất hiện của các từ chỉ bản thân trong các luận văn

Bảng 1 cho thấy nhóm học viên cao học sử dụng các từ ngôi thứ nhất số ít (Nhóm 1) nhiều nhất trong luận văn của mình (chiếm 55,62%), theo sau đó là các danh ngữ ngôi thứ ba (Nhóm 3) (43,96%). Kết quả này phù hợp với những nghiên cứu trước đây như của Hyland⁹, trong đó cũng chỉ ra rằng việc sử dụng các đại từ ngôi thứ nhất số ít thường xuyên hơn các nhóm từ chỉ bản thân khác trong các bài viết học thuật.

Điểm đáng chú ý trong nghiên cứu của chúng tôi là tần suất sử dụng các từ ngôi thứ nhất số nhiều rất thấp (chỉ 0,42%), điều này tương đồng với nhận định của Yasmin và Mahmood¹⁹ rằng các học viên thường ít sử dụng các đại từ số nhiều trong văn bản học thuật do các luận văn cao học chỉ do một tác giả viết, không giống như trong các bài báo tạp chí có thể do nhiều tác giả cùng viết bài. Tuy nhiên, kết quả này lại khác với nghiên cứu của Wang và Zeng²⁸, trong đó chỉ ra rằng các từ ngôi thứ nhất số nhiều được sử dụng nhiều hơn ở các bài báo khoa học của tác giả người Trung Quốc. Sự khác biệt này có thể xuất phát từ yếu tố văn hóa và phong cách viết đặc trưng của từng quốc gia. Ngoài ra, kết quả này cũng hoàn toàn trái ngược với kết quả nghiên cứu của Khedri²⁴ và Al-Shujairi¹², trong đó các tác giả đều khẳng định rằng ‘we’ là từ chỉ bản thân mà tác giả các bài báo ISI sử dụng nhiều nhất. Điều này có thể lý giải bởi một số lý do. Một là tác giả các bài ISI có độ tự tin cao vào các tuyên bố từ kết quả nghiên cứu của họ trong khi học viên cao học, nhóm đối tượng có thể được xem là lính mới trong nghiên cứu khoa học, ít tự tin hơn và vì vậy buộc phải thận trọng hơn khi đưa ra nhận định hay quan điểm cá nhân. Hai là việc sử dụng ‘we’ trong nghiên cứu là một chiến lược mà các tác giả sử dụng để thu hút người đọc, điều này đúng ngay cả khi tác giả của bài báo là tác giả duy nhất. Ba là các học viên cao học có xu hướng tuân thủ nghiêm ngặt hơn các quy tắc viết học thuật truyền thống, dẫn đến việc tránh sử dụng ‘we’ để chỉ về một cá nhân thực hiện luận văn.

Tuy nhiên, việc học viên sử dụng các từ thuộc Nhóm 1 rất có thể chỉ tập trung vào một vài luận văn do đó, để có một cái nhìn toàn diện, chúng tôi quyết định khảo sát thêm một bước nữa để tìm hiểu xem có bao nhiêu luận văn sử dụng từ Nhóm 1 hay Nhóm 3 hay sử dụng cả hai nhóm. Việc khảo sát sâu hơn chúng tôi chỉ thực hiện cho Nhóm 1 và 3 vì như đã trình bày ở trên tần suất xuất hiện của các từ ngôi thứ nhất số nhiều (Nhóm 2) rất ít (chỉ chiếm 0,42%). Kết quả khảo sát này được trình bày trong Bảng 2.

Bảng 2 cho thấy hầu như tất cả các luận văn đều có sử dụng các danh ngữ ngôi thứ ba, nhưng chỉ có 11 luận văn (36,67%) có sử dụng các từ ngôi thứ nhất số ít. Như vậy, mặc dù các từ ngôi thứ nhất số ít có tần suất xuất hiện cao hơn các danh ngữ ngôi thứ ba, nhưng không phải là cách sử dụng phổ biến của học viên người Việt khi viết luận văn bằng tiếng Anh. Việc hầu hết các học viên đều sử dụng danh ngữ ngôi thứ ba phản ánh một xu hướng chung trong cách viết học thuật có thể liên quan đến ảnh hưởng của phong cách viết cá nhân hoặc sự hướng dẫn từ các giảng viên. Mặc dù các từ ngôi thứ nhất số ít được sử dụng nhiều trong một số luận văn, xu hướng tổng thể vẫn nghiêng về sử

Bảng 1: Tần suất xuất hiện của các nhóm từ chỉ bản thân tác giả (Nguồn: Tác giả)

Nhóm từ chỉ bản thân	TS	TS/10.000	%
1. Ngôi thứ nhất số ít	1.469	18,40	55,62%
2. Ngôi thứ nhất số nhiều	11	0,14	0,42%
3. Danh ngữ ngôi thứ ba	1.161	14,55	43,96%
Tổng	2.641	33,09	100%

Ghi chú: TS: tần suất xuất hiện trên nguồn dữ liệu; TS/10.000: Tần suất trên 10.000 từ

Bảng 2: Việc sử dụng từ chỉ bản thân Nhóm 1 và Nhóm 3 trong các luận văn (Nguồn: Tác giả)

	Số luận văn	%
Sử dụng ngôi thứ nhất số ít (Nhóm 1)	11/30	36,67%
Sử dụng danh ngữ ngôi thứ ba (Nhóm 3)	29/30	96,67%
Sử dụng cả ngôi thứ nhất số ít (Nhóm 1) và danh ngữ ngôi thứ ba (Nhóm 3)	11/30	36,67%

dụng danh ngữ ngôi thứ ba để duy trì tính khách quan trong nghiên cứu khoa học. Kết quả này góp phần làm rõ hơn phong cách viết luận văn của học viên người Việt khi sử dụng tiếng Anh.

Ngoài ra, để thấy rõ hơn các từ trong mỗi nhóm từ chỉ bản thân được sử dụng như thế nào trong kho ngữ liệu, chúng tôi xem xét tần suất xuất hiện của từng từ chỉ bản thân từ việc trích xuất các từ (concordances) trong mỗi nhóm, như được thể hiện trong các Bảng 3, 4 và 5.

Từ Bảng 3, chúng ta có thể thấy trong nhóm từ ngôi thứ nhất số ít, đại từ ‘I’ được sử dụng nhiều nhất (9,05/10.000 từ, chiếm 49,15% tổng số từ Nhóm 1). Điều này có thể cho thấy rằng học viên thường sử dụng ‘I’ để diễn đạt ý kiến cá nhân, quan điểm và kinh nghiệm của mình trong luận văn. Các danh ngữ bắt đầu bằng từ ‘my’ cũng được dùng khá nhiều (7,64/10.000 từ, chiếm 41,52% tổng số từ Nhóm 1), cho thấy rằng học viên thường sử dụng ‘my’ để diễn đạt sự sở hữu cá nhân, chẳng hạn ‘my opinion’, ‘my experience’, ‘my research’. Trong khi đó, các từ ‘me’ ở vị trí tân ngữ hay từ ‘myself’ ít được sử dụng trong các bài luận văn (tỷ lệ lần lượt là 1,30 và 0,41/10.000 từ). Điều này cho thấy rằng học viên ít khi sử dụng các từ này để đề cập đến bản thân trong ngữ cảnh tân ngữ hoặc phản thân.

Từ Bảng 4, ta có thể thấy từ ‘we’ hoàn toàn không được sử dụng để chỉ bản thân tác giả. Lúc chúng tôi trích xuất từ ‘we’ từ kho ngữ liệu, chúng tôi nhận được 102 trường hợp. Tuy nhiên, sau khi kiểm tra lại từng trường hợp thì chúng tôi nhận thấy tất cả các trường hợp dùng ‘we’ này đều là ‘inclusive we’ như đã trình bày bên trên nên các trường hợp này không được tính là từ chỉ bản thân tác giả trong nghiên cứu

này của chúng tôi. Các từ ngôi thứ nhất số nhiều khác như ‘us’, ‘our’, ‘ours’ hay ‘ourselves’ tuy cũng được sử dụng, nhưng tần suất xuất hiện không đáng kể (từ 0,01 đến 0,09/10.000 từ). Tổng cộng, các từ này chỉ chiếm 0,14/10.000 từ, điều này cho thấy người viết rất ít khi sử dụng các từ ngôi thứ nhất số nhiều để chỉ bản thân trong bài luận văn.

Như đã được trình bày ở Bảng 1 bên trên, ngoài Nhóm 1 là các từ ngôi thứ nhất số ít thì Nhóm 3, các danh ngữ ngôi thứ ba, cũng được sử dụng khá nhiều trong các luận văn mà chúng tôi nghiên cứu. Bảng 5 cho thấy tần suất xuất hiện cụ thể của các danh ngữ trong Nhóm 3 này.

Về nhóm từ danh ngữ ngôi thứ ba, chúng tôi nhận thấy rằng từ ‘the researcher’ được sử dụng nhiều nhất (13,87/10.000 từ, chiếm 95,35% tổng số các danh ngữ ngôi thứ ba). Điều này phù hợp với nghiên cứu của Hyland²³, trong đó cũng chỉ ra rằng các tác giả thường sử dụng từ ‘the researcher’ để thay thế cho các từ ngôi thứ nhất nhằm duy trì tính khách quan trong văn bản học thuật, nơi mà sự khách quan và tính trung lập của người nghiên cứu đóng vai trò then chốt. Trái ngược với nhận định của chúng tôi, danh ngữ ‘the author’ chỉ chiếm 4,65%. ‘The researcher’ xuất hiện nhiều hơn ‘the author’ cũng là kết quả được nhận thấy trong nghiên cứu của Kafes³⁶. Điều này có thể là do ‘the author’ thường được sử dụng trong các ngữ cảnh ít trang trọng hơn hoặc trong các bài viết không thuộc loại nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, kết quả này không đồng nhất với kết quả của một số nghiên cứu khác như của Walková²⁶ trong đó cho thấy ‘the author’ lại được sử dụng khá phổ biến. Sự khác biệt lớn trong tần suất xuất hiện của ‘the author’ trong nghiên cứu của chúng tôi và của Walková²⁶ có thể là do sự

Bảng 3: Tần suất xuất hiện của các từ ngôi thứ nhất số ít (Nguồn: Tác giả)

Từ chỉ bản thân	TS	TS/10.000	%
I	722	9,05	49,15%
me	104	1,30	7,08%
my	610	7,64	41,52%
myself	33	0,41	2,25%
Tổng	1.469	18,4	100%

Bảng 4: Tần suất xuất hiện của các từ ngôi thứ nhất số nhiều (Nguồn: Tác giả)

Từ chỉ bản thân	TS	TS/10.000	%
we	0	0	0%
us	2	0,03	18,18%
our	7	0,09	63,64%
ours	1	0,01	9,09%
ourselves	1	0,01	9,09%
Tổng	11	0,14	100%

Bảng 5: Tần suất xuất hiện của các danh ngữ ngôi thứ ba (Nguồn: Tác giả)

Từ chỉ bản thân	TS	TS/10.000	%
the researcher	1.107	13,87	95,35%
the author	54	0,68	4,65%
the writer	0	0	0%
Tổng	1.161	14,55	100%

khác biệt trong phong cách viết và cách sử dụng ngôn ngữ giữa các ngành học hoặc giữa các nhóm nghiên cứu khác nhau. Ngoài ra, bảng thống kê cho thấy danh ngữ ‘the writer’ hoàn toàn không được sử dụng để chỉ bản thân tác giả trong các luận văn. Điều này rất có thể là do từ này thường được dùng để chỉ tác giả của các tác phẩm văn học hơn là trong văn bản học thuật. Tương tự trường hợp ‘we’ hoặc một số từ khác, có những trường hợp ‘the writer’ được tìm thấy trong kho ngữ liệu của chúng tôi, nhưng khi xem xét kỹ từng trường hợp thì các trường hợp ‘the writer’ đó đều chỉ tác giả khác được đề cập đến trong Chương ‘Tổng quan nghiên cứu’.

Chức năng tu từ của các từ chỉ bản thân tác giả trong các luận văn

Bảng 6 trình bày kết quả chi tiết về tần suất và tỷ lệ phần trăm các chức năng tu từ của từ chỉ bản thân trong các luận văn thạc sĩ của học viên chuyên ngành Lý luận và Phương pháp Dạy học Tiếng Anh. Có thể thấy rằng *Giải thích quy trình nghiên cứu* là chức

năng tu từ phổ biến nhất mà nhóm học viên sử dụng (47,82%). Kết quả này tương đồng với kết quả trong nghiên cứu của Al-Shujairi¹⁴, Hyland⁹, Kafes³⁶ và Khedri²⁴, trong đó cũng chỉ ra rằng các tác giả thường sử dụng các từ chỉ bản thân để giải thích các quy trình giúp người đọc hiểu rõ hơn về quá trình thực hiện nghiên cứu. Các chức năng tu từ từ như *Giải thích một luận điểm, Nêu mục đích, Trình bày kết quả* chiếm tỷ lệ ít hơn và tương đối ngang nhau lần lượt ở các mức 14,77%, 13,37%, 11,93%. Việc sử dụng từ chỉ bản thân để *Giải thích một luận điểm* giúp tác giả nêu rõ quan điểm cá nhân và lý giải các luận điểm chính của nghiên cứu. Tương tự, *Nêu mục đích* và *Trình bày kết quả* cũng là các chức năng quan trọng, giúp định hướng người đọc và cung cấp thông tin cụ thể về mục tiêu và kết quả nghiên cứu. Việc sử dụng các từ chỉ bản thân để thực hiện chức năng tu từ *Định nghĩa thuật ngữ* chiếm tỷ lệ thấp nhất (0,19%). Ở chức năng *Giải thích quy trình nghiên cứu*, nhóm danh ngữ ngôi thứ ba (*the researcher, the author, the writer*) được sử dụng với tần suất nhiều nhất (761 lần tương ứng với 9,53/10.000 từ) trong khi nhóm từ ngôi

Bảng 6: Chức năng tu từ của các từ chỉ bản thân tác giả (Nguồn: Tác giả)

Chức năng	Ngôi thứ nhất số ít		Ngôi thứ nhất số nhiều		Danh ngữ ngôi thứ ba		Tổng	
	TS	TS/10.000	TS	TS/10.000	TS	TS/10.000	TS/10.000	%
Giải thích một luận điểm	281	3,52	2	0,03	107	1,34	4,89	14,77%
Nêu lợi ích bản thân	128	1,60	1	0,01	18	0,23	1,84	5,57%
Định nghĩa thuật ngữ	3	0,04	0	0	2	0,03	0,06	0,19%
Liên hệ kinh nghiệm bản thân	146	1,83	0	0	7	0,09	1,92	5,79%
Nêu hạn chế	9	0,11	0	0	6	0,08	0,19	0,57%
Giải thích quy trình nghiên cứu	496	6,21	6	0,08	761	9,53	15,82	47,82%
Trình bày kết quả	223	2,79	2	0,03	90	1,13	3,95	11,93%
Nêu mục đích	183	2,29	0	0	170	2,13	4,42	13,37%
Tổng	1.469	18,4	11	0,14	1.161	14,55	33,09	100%

thứ nhất số ít (I, me, my, myself) xuất hiện với tần suất ít hơn nhiều (496 lần tương ứng với 6,21/10.000 từ). Tuy nhiên, ở các chức năng như *Giải thích một luận điểm*, *Nêu mục đích*, *Trình bày kết quả*, nhóm học viên cao học lại có khuynh hướng dùng nhiều các từ chỉ bản thân ngôi thứ nhất số ít hơn là các danh ngữ ngôi thứ ba, với tần suất xuất hiện (/10.000 từ) tương ứng ở mỗi chức năng tu từ là 3,52-1,34, 2,29-2,13, và 2,79-1,13. Điều này cho thấy khi cần thể hiện quan điểm cá nhân, mục đích nghiên cứu, và kết quả đạt được, các học viên thường sử dụng từ ngôi thứ nhất số ít để trực tiếp truyền đạt ý kiến và thông tin của mình một cách rõ ràng và trực tiếp hơn.

Ngoài ra, bảng kết quả cũng cho thấy rằng nhóm từ chỉ bản thân ngôi thứ nhất số nhiều (*we, our, ours,...*) thực hiện các chức năng tu từ có tần suất xuất hiện rất ít, chỉ có 11 lần (tương ứng 0,14/10.000 từ). Điều này có thể phản ánh sự thận trọng của các học viên trong việc sử dụng từ ngôi thứ nhất số nhiều để tránh gây ra sự mơ hồ về việc ai đang thực hiện hành động hoặc đưa ra quan điểm. Nhìn chung, kết quả nghiên cứu của chúng tôi khẳng định lại những kết luận trước đó về việc sử dụng các từ chỉ bản thân trong văn bản học thuật và đóng góp thêm dữ liệu về cách sử dụng các từ này trong các luận văn của học viên người Việt. Các học viên người Việt thường có xu hướng tránh sử dụng các đại từ ngôi thứ nhất số nhiều và thay vào đó sử dụng các danh ngữ ngôi thứ ba như ‘the researcher’ để duy trì tính khách quan và trang trọng của văn bản. Để quan sát rõ hơn việc sử dụng các từ chỉ bản thân trong việc diễn đạt các chức năng tu từ, chúng tôi lập bảng thống kê theo từng nhóm từ cụ thể như ở Bảng 7, 8 và 9 dưới đây:

Như có thể thấy ở Bảng 7, *Giải thích quy trình nghiên cứu* là chức năng phổ biến nhất mà đại từ ‘I’ (35,73%) và ‘my’ (32,13%) được dùng để diễn đạt. Việc sử dụng ‘I’ và ‘my’ để mô tả các bước và phương pháp nghiên cứu giúp tác giả trình bày một cách trực tiếp và rõ ràng về những gì họ đã làm trong quá trình nghiên cứu, tạo ra một sự kết nối cá nhân với công việc và giúp người đọc hiểu rõ hơn về quy trình. *Giải thích một luận điểm* cũng là chức năng mà đại từ ‘I’ và ‘my’ thường được dùng để diễn đạt (19,39% và 18,69%). Mặc dù tỷ lệ này thấp hơn so với chức năng *Giải thích quy trình nghiên cứu*, nó vẫn cho thấy tầm quan trọng của việc sử dụng đại từ ngôi thứ nhất trong việc diễn đạt và lý giải các luận điểm chính của nghiên cứu. Việc sử dụng ‘I’ và ‘my’ trong bối cảnh này giúp tác giả thể hiện quan điểm cá nhân và lập luận của mình một cách rõ ràng và trực tiếp, góp phần thuyết phục người đọc về tính hợp lý và sự vững chắc của các luận điểm được trình bày. Kết quả còn chỉ ra rằng học viên cao học rất ít

sử dụng nhóm từ chỉ bản thân ngôi thứ nhất số ít để định nghĩa thuật ngữ và nêu hạn chế của nghiên cứu. Thống kê cũng cho thấy không có trường hợp nào các từ như ‘me’ hay ‘myself’ xuất hiện trong các diễn ngôn nhằm định nghĩa các thuật ngữ trong nghiên cứu. Nhìn chung, kết quả này cho thấy rằng các học viên thường sử dụng đại từ ngôi thứ nhất số ít, đặc biệt là ‘I’ và ‘my’, trong các chức năng tu từ cần sự diễn đạt trực tiếp và cá nhân như *Giải thích quy trình nghiên cứu* và *Giải thích một luận điểm*. Ngược lại, trong các phần yêu cầu tính khách quan và sự trang trọng hơn như *Định nghĩa thuật ngữ* và *Nêu hạn chế* của nghiên cứu, các học viên lại ít sử dụng đại từ ngôi thứ nhất. Điều này phản ánh một phong cách viết học thuật cân bằng giữa sự diễn đạt cá nhân và sự khách quan, có thể giúp tạo ra những luận văn có tính thuyết phục và chuyên nghiệp.

Kết quả từ Bảng 8 cho thấy một xu hướng rất rõ ràng trong việc sử dụng các từ chỉ bản thân ngôi thứ nhất số nhiều (*we, us, our, ours, ourselves*) trong các luận văn cao học đó là các từ này rất hiếm khi được dùng để diễn đạt các chức năng tu từ. Đại từ ‘our’ thỉnh thoảng xuất hiện nhằm giải thích một luận điểm, quy trình nghiên cứu và kết quả nghiên cứu. ‘Ours’ chỉ thấy được sử dụng với chức năng *Giải thích quy trình nghiên cứu* trong khi ‘ourselves’ thì chỉ xuất hiện với chức năng tu từ *Nêu lợi ích bản thân*. *Nêu lợi ích bản thân* là một chức năng đặc biệt, nơi tác giả cần phải làm rõ lợi ích cá nhân hoặc đóng góp của họ trong lĩnh vực nghiên cứu. Việc sử dụng các đại từ này trong ngữ cảnh này giúp tác giả nhấn mạnh vai trò và đóng góp của mình một cách rõ ràng hơn. Tuy nhiên, việc các từ này hiếm khi xuất hiện cũng có thể do nhu cầu giữ văn phong học thuật khách quan và tránh việc tập trung quá nhiều vào lợi ích cá nhân. Nó phản ánh một phong cách viết cân trọng và cân nhắc trong việc chọn từ ngữ để diễn đạt các chức năng tu từ khác nhau trong luận văn.

Theo số liệu thống kê từ Bảng 9, ‘the researcher’ được sử dụng với chức năng *Giải thích quy trình nghiên cứu* nhiều nhất (tần suất 9,26, chiếm 66,76%). Điều này cho thấy rằng các học viên cao học thường chọn cách này để trình bày các bước thực hiện nghiên cứu một cách rõ ràng và khách quan. Nó cũng được sử dụng để thực hiện các chức năng khác như *Định nghĩa thuật ngữ*, *Nêu hạn chế*, *Liên hệ kinh nghiệm bản thân* nhưng ở mức độ rất hạn chế (với tỷ lệ tương ứng là 0,18%, 0,54%, và 0,63%). ‘The author’ cũng là danh ngữ chỉ bản thân để diễn đạt các chức năng tu từ khác nhau xuất hiện trong nguồn dữ liệu. Tuy nhiên, dữ liệu phân tích cho thấy không có trường hợp nào ‘the author’ được sử dụng để diễn đạt các chức năng tu từ *Định nghĩa thuật ngữ*, *Liên hệ kinh nghiệm bản*

Bảng 7: Chức năng tu từ của các từ ngữ chỉ thứ nhất số ít (Nguồn: Tác giả)

Chức năng	I		me		my		myself	
	TS/ 10.000	%	TS/ 10.000	%	TS/ 10.000	%	TS/ 10.000	%
Giải thích một luận điểm	1,75	19,39%	0,21	16,35%	1,43	18,69%	0,13	30,30%
Nêu lợi ích bản thân	0,66	7,34%	0,21	16,35%	0,68	8,85%	0,05	12,12%
Định nghĩa thuật ngữ	0,03	0,28%	0	0%	0,01	0,16%	0	0%
Liên hệ kinh nghiệm bản thân	1,01	11,22%	0,18	13,46%	0,56	7,38%	0,08	18,18%
Nêu hạn chế	0,03	0,28%	0,03	1,92%	0,06	0,82%	0	0%
Giải thích quy trình nghiên cứu	3,23	35,73%	0,41	31,73%	2,46	32,13%	0,11	27,27%
Trình bày kết quả	1,34	14,82%	0,15	11,54%	1,28	16,72%	0,03	6,06%
Nêu mục đích	0,99	10,94%	0,11	8,65%	1,17	15,25%	0,03	6,06%
Tổng	9,05	100%	1,30	100%	7,64	100%	0,41	100%

Bảng 8: Chức năng tu từ của các từ ngói thứ nhất số nhiều (Nguồn: Tác giả)

Chức năng	we		us		our		ours		ourselves	
	TS/ 10.000	%	TS/ 10.000	%	TS/ 10.000	%	TS/ 10.000	%	TS/ 10.000	%
Giải thích một luận điểm	0	0%	0	0%	0,03	0%	0	28,57%	0	0%
Nêu lợi ích bản thân	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%	0,01	100%
Định nghĩa thuật ngữ	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%
Liên hệ kinh nghiệm bản thân	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%
Nêu hạn chế	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%
Giải thích quy trình nghiên cứu	0	0%	0,03	100%	0,04	42,86%	0,01	100%	0	0%
Trình bày kết quả	0	0%	0	0%	0,03	28,57%	0	0%	0	0%
Nêu mục đích	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%
Tổng	0	0%	0,03	100%	0,09	100%	0,01	100%	0,01	100%

Bảng 9: Chức năng tu từ của các danh ngữ ngôi thứ ba (Nguồn: Tác giả)

Chức năng	the researcher		the author		the writer	
	TS/ 10.000	%	TS/ 10.000	%	TS/ 10.000	%
Giải thích một luận điểm	1,27	9,12%	0,08	11,11%	0	0%
Nêu lợi ích bản thân	0,20	1,45%	0,03	3,70%	0	0%
Định nghĩa thuật ngữ	0,03	0,18%	0	0%	0	0%
Liên hệ kinh nghiệm bản thân	0,09	0,63%	0	0%	0	0%
Nêu hạn chế	0,08	0,54%	0	0%	0	0%
Giải thích quy trình nghiên cứu	9,26	66,76%	0,28	40,74%	0	0%
Trình bày kết quả	1,01	7,32%	0,11	16,67%	0	0%
Nêu mục đích	1,94	14%	0,19	27,78%	0	0%
Tổng	13,92	100%	0,68	100%	0	0%

thân, và *Nêu hạn chế*. ‘The researcher’ thường được ưa chuộng hơn vì như đã bàn luận ở trên, trong các bối cảnh cần sự khách quan cao, nó tạo ra sự tách biệt giữa người viết và nội dung nghiên cứu, giúp văn bản trở nên chính xác và trang trọng hơn^{9,24}.

Kiến nghị khoa học

Kết quả nghiên cứu cung cấp cái nhìn sâu sắc về cách các từ chỉ bản thân được sử dụng trong văn bản học thuật, đặc biệt là trong các luận văn cao học. Kết quả của nghiên cứu có thể giúp học viên cao học nâng cao kỹ năng viết để thể hiện giọng văn, tiếng nói hay lập trường trong việc viết luận văn. Học viên nên tự tin hơn khi giải thích quy trình nghiên cứu và diễn đạt luận điểm cá nhân bằng việc sử dụng các từ ngôi thứ nhất số ít như ‘tôi’ và ‘mình’. Tuy nhiên, để duy trì tính khách quan và trang trọng của luận văn, học viên có thể sử dụng các danh ngữ ngôi thứ ba như ‘the researcher’. Việc sử dụng danh ngữ này có thể giúp học viên duy trì sự cân bằng giữa tính cá nhân và tính khách quan trong bài viết. Đối với những người làm giáo dục, kết quả của nghiên cứu này có thể được sử dụng để hướng dẫn học viên cao học trong quá trình viết luận văn. Giảng viên và giảng viên hướng dẫn có thể khuyến khích học viên sử dụng các từ ngôi thứ nhất số ít khi cần thiết để diễn đạt ý kiến cá nhân và giải thích quy trình nghiên cứu, nhưng cũng cần lưu ý họ về tầm quan trọng của việc duy trì tính khách quan trong bài viết. Những người quan tâm đến viết nghiên cứu khoa học có thể học hỏi từ các xu hướng sử dụng ngôn ngữ này để cải thiện bài viết của mình. Việc sử dụng hợp lý các từ ngôi thứ nhất số ít và danh ngữ ngôi thứ ba có thể giúp người viết duy trì tính khách quan và chuyên nghiệp trong văn bản, đồng thời truyền đạt

quan điểm cá nhân một cách rõ ràng và thuyết phục. Điều này đặc biệt quan trọng trong việc xây dựng sự tin tưởng và uy tín đối với người đọc, cũng như trong việc trình bày nghiên cứu một cách rõ ràng và logic.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu này đã phân tích tần suất và chức năng tu từ của các từ chỉ bản thân trong các luận văn thạc sĩ của học viên chuyên ngành Lý luận và Phương pháp Dạy học Tiếng Anh. Kết quả cho thấy sự khác biệt rõ rệt trong việc sử dụng các từ chỉ bản thân ngôi thứ nhất số ít, số nhiều và danh ngữ ngôi thứ ba, phù hợp với xu hướng chung trong văn bản học thuật nhằm duy trì tính khách quan và chuyên nghiệp. Việc sử dụng các từ chỉ bản thân trong các luận văn phản ánh sự cân nhắc kỹ lưỡng về tính khách quan và chuyên nghiệp trong văn bản học thuật. Nghiên cứu này, dù cung cấp nhiều dữ liệu hữu ích về việc sử dụng các từ chỉ bản thân trong các luận văn thạc sĩ của học viên chuyên ngành Lý luận và Phương pháp Dạy học Tiếng Anh, vẫn tồn tại một số hạn chế cần được lưu ý. Thứ nhất, kho ngữ liệu của chúng tôi chỉ gồm 30 luận văn từ một chương trình thạc sĩ duy nhất, do đó, kết quả có thể không phản ánh đầy đủ cách sử dụng các từ chỉ bản thân trong các luận văn của tất cả các học viên cao học ở Việt Nam. Thứ hai, việc phân loại các chức năng tu từ có thể có yếu tố chủ quan, dù chúng tôi đã cố gắng áp dụng các tiêu chí rõ ràng và nhất quán. Để khắc phục những hạn chế trên và mở rộng hiểu biết về việc sử dụng các từ chỉ bản thân trong văn bản học thuật, các nghiên cứu tương lai có thể khảo sát các luận văn từ nhiều chương trình thạc sĩ khác nhau và từ nhiều trường đại học khác nhau để có được cái nhìn toàn diện hơn. Hơn nữa,

việc so sánh các luận văn này với các bài báo khoa học của các tác giả người Việt và tác giả nước ngoài cũng sẽ cung cấp thêm những dữ liệu quý giá về sự khác biệt trong phong cách viết và giọng văn học thuật.

Nghiên cứu đã chỉ ra những hạn chế cần khắc phục và đề xuất các hướng nghiên cứu trong tương lai, giúp mở rộng phạm vi và độ sâu của các nghiên cứu về việc sử dụng ngôn ngữ trong văn bản học thuật. Kết quả nghiên cứu này không chỉ củng cố các kết luận trước đây về việc sử dụng các từ chỉ bản thân trong văn bản học thuật mà còn cung cấp thêm dữ liệu giá trị về cách sử dụng các từ này trong bối cảnh cụ thể của các luận văn thạc sĩ tại Việt Nam. Tính mới của đề tài nằm ở cả nội dung và phương pháp nghiên cứu. Về nội dung, nghiên cứu tập trung vào cách sử dụng các từ chỉ bản thân trong luận văn tiếng Anh của học viên người Việt, một khía cạnh chưa được nghiên cứu kỹ lưỡng trong bối cảnh Việt Nam. Về phương pháp, chúng tôi đã phát hiện rằng khung 7 chức năng tu từ ban đầu không bao quát hết các trường hợp, do đó đã bổ sung chức năng thứ 8 - *Liên hệ kinh nghiệm bản thân* - để giải thích các trường hợp tác giả liên kết kinh nghiệm cá nhân với nội dung nghiên cứu. Việc này thể hiện tính linh hoạt và khả năng thích ứng của phương pháp nghiên cứu nhằm phản ánh chân thực thực tiễn viết học thuật của học viên người Việt. Đồng thời, nghiên cứu còn làm sáng tỏ xu hướng sử dụng các danh ngữ ngôi thứ ba để duy trì tính khách quan, một khía cạnh ít được đề cập trong các nghiên cứu trước. Kết quả này góp phần làm rõ hơn phong cách viết học thuật của học viên Việt Nam và mở ra những hướng nghiên cứu mới về ngôn ngữ học thuật trong ngữ cảnh Việt Nam và là cơ sở cho các nghiên cứu tiếp theo trong lĩnh vực này.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ đề tài nghiên cứu khoa học mã số TC2024-01.

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Nhóm tác giả không có bất kỳ xung đột lợi ích nào trong công bố bài báo.

ĐÓNG GÓP CỦA CÁC TÁC GIẢ

Tác giả Phó Phương Dung thu thập, phân tích, xử lý dữ liệu; viết phần giới thiệu, tổng quan lý thuyết, phương pháp nghiên cứu và một phần kết quả nghiên cứu.

Tác giả Cao Thị Phương Dung phân tích, xử lý dữ liệu; viết phần tóm tắt, một phần kết quả nghiên cứu, phần bàn luận và kết luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hyland K, Jiang FK. "We must conclude that...": A diachronic study of academic engagement. *Journal of English for Academic Purposes*. 2016;24:29-42;Available from: <https://doi.org/10.1016/j.jeap.2016.09.003>.
- Cheung YL, Lau L. Authorial voice in academic writing: A comparative study of journal articles in English Literature and Computer Science. *Ibérica*. 2020;39:215-42;Available from: <https://doi.org/10.17398/2340-2784.39.215>.
- Hyland K. Stance and engagement: A model of interaction in academic discourse. *Discourse studies*. 2005;7(2):173-92;Available from: <https://doi.org/10.1177/1461445605050365>.
- Lorés-Sanz R. The construction of the author's voice in academic writing: The interplay of cultural and disciplinary factors. *Text & Talk*. 2011;31(2):173-93;Available from: <https://doi.org/10.1515/text.2011.008>.
- Morton J, Storch N. Developing an authorial voice in PhD multilingual student writing: The reader's perspective. *Journal of Second Language Writing*. 2019;43:15-23;Available from: <https://doi.org/10.1016/j.jslw.2018.02.004>.
- Curry MJ, Lillis T. Unpacking the lore on multilingual scholars publishing in English: A discussion paper. *Publications*. 2019;7(2):27;Available from: <https://doi.org/10.3390/publications7020027>.
- Hyland K. Undergraduate understandings: Stance and voice in final year reports. In *Stance and voice in written academic genres 2012* (pp. 134-150). London: Palgrave Macmillan UK;Available from: https://doi.org/10.1057/9781137030825_9.
- Zhao CG. Writer background and voice construction in L2 writing. *Journal of English for Academic Purposes*. 2019;37:117-26;Available from: <https://doi.org/10.1016/j.jeap.2018.11.004>.
- Hyland K. Authority and invisibility: Authorial identity in academic writing. *Journal of pragmatics*. 2002;34(8):1091-112.
- Hyland K. Disciplinary voices: Interactions in research writing. *English Text Construction*. 2008;1(1):5-22;Available from: <https://doi.org/10.1075/etc.1.1.03hyl>.
- Nguyễn ĐL. Đại từ nhân xưng trong các bài báo khoa học xã hội ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*. 2016;9:91-96;Available from: <https://doi.org/10.46223/hcmcous.soci.vi.16.2.1960.2021>.
- Samraj B. A discourse analysis of master's theses across disciplines with a focus on introductions. *Journal of English for academic purposes*. 2008;7(1):55-67;Available from: <https://doi.org/10.1016/j.jeap.2008.02.005>.
- Tse P, Hyland K. 'Robot Kung fu': Gender and professional identity in biology and philosophy reviews. *Journal of Pragmatics*. 2008;40(7):1232-48;Available from: <https://doi.org/10.1016/j.pragma.2007.02.002>.
- Al-Shujairi YBJ. What, which and where: examining self-mention markers in ISI and Iraqi local research articles in applied linguistics. *Asian Englishes*. 2020;22(1):20-34;Available from: <https://doi.org/10.1080/13488678.2018.1544699>.
- Hryniuk K. Expressing authorial self in research articles written by Polish and English native-speaker writers. *Studies in Second Language Learning and Teaching*. 2018;8(3):621-42;Available from: <https://doi.org/10.14746/ssllt.2018.8.3.5>.
- Can T, Cangir H. A corpus-assisted comparative analysis of self-mention markers in doctoral dissertations of literary studies written in Turkey and the UK. *Journal of English for academic purposes*. 2019;42:100796;Available from: <https://doi.org/10.1016/j.jeap.2019.100796>.
- Aull LL, Lancaster Z. Linguistic markers of stance in early and advanced academic writing: A corpus-based comparison. *Written communication*. 2014;31(2):151-83;Available from: <https://doi.org/10.1177/0741088314527055>.
- MacIntyre R. The use of personal pronouns in the writing of argumentative essays by EFL writers. *RELJ Journal*. 2019;50(1):6-19;Available from: <https://doi.org/10.1177/0033688217730139>.

19. Yasmin T, Mahmood MA. A comparative analysis of writer's identity in Pakistani research theses of English and psychology. *International Journal of English Linguistics*. 2017;7(6):255;Available from: <https://doi.org/10.5539/ijel.v7n6p255>.
20. Hyland K. Disciplinary differences: Language variation in academic discourses. *Academic discourse across disciplines*. 2006:17-45.
21. Seoane E, Hundt M. Voice alternation and authorial presence: Variation across disciplinary areas in academic English. *Journal of English Linguistics*. 2018;46(1):3-22;Available from: <https://doi.org/10.1177/0075424217740938>.
22. Alward A. Exploring self-mention in the Yemeni EFL argumentative writing across three proficiency levels. *Issues in Language Studies*. 2019;8(2):48-60;Available from: <https://doi.org/10.33736/ils.1693.2019>.
23. Hyland K. Humble servants of the discipline? Self-mention in research articles. *English for specific purposes*. 2001;20(3):207-26;Available from: [https://doi.org/10.1016/s0889-4906\(00\)00012-0](https://doi.org/10.1016/s0889-4906(00)00012-0).
24. Khedri M. Are we visible? An interdisciplinary data-based study of self-mention in research articles. *Poznan Studies in Contemporary Linguistics*. 2016;52(3):403-30;Available from: <https://doi.org/10.1515/psicl-2016-0017>.
25. Karahan P. Self-mention in scientific articles written by Turkish and non-Turkish authors. *Procedia-Social and Behavioral Sciences*. 2013;70:305-22;Available from: <https://doi.org/10.1016/j.sbspro.2013.01.068>.
26. Walková M. A three-dimensional model of personal self-mention in research papers. *English for Specific Purposes*. 2019;53:60-73;Available from: <https://doi.org/10.1016/j.esp.2018.09.003>.
27. Martínez IA. Native and non-native writers' use of first person pronouns in the different sections of biology research articles in English. *Journal of second language writing*. 2005;14(3):174-90;Available from: <https://doi.org/10.1016/j.jslw.2005.06.001>.
28. Wang J, Zeng L. Disciplinary recognized self-presence: Self-mention used with hedges and boosters in PhD students' research writing. *Sage Open*. 2021;11(2):21582440211005454;Available from: <https://doi.org/10.1177/21582440211005454>.
29. Wu G, Zhu Y. Self-mention and authorial identity construction in English and Chinese research articles: A contrastive study. *Linguistics & the Human Sciences*. 2014;10(2);Available from: <https://doi.org/10.1558/lhs.v10i2.28557>.
30. Firdaus SF, Soemantri YS, Yuliawati S. A corpus-based study of self-mention markers in English research articles. *International Journal of Language Teaching and Education*. 2021;5(2):37-46;Available from: <https://doi.org/10.22437/ijolte.v5i2.15695>.
31. Yuliawati S, Ekawati D, Mawarrania RE, Kurniawanb E. A corpus-based study of authorial identity in Indonesian writers' research articles. *Kasetsart Journal of Social Sciences*. 2023;44(3):959-64;Available from: <https://doi.org/10.34044/j.kjss.2023.44.3.34>.
32. Tang R, John S. The 'I' in identity: Exploring writer identity in student academic writing through the first person pronoun. *English for specific purposes*. 1999;18:523-39;Available from: [https://doi.org/10.1016/s0889-4906\(99\)00009-5](https://doi.org/10.1016/s0889-4906(99)00009-5).
33. Harwood N. Person markers & interpersonal metadiscourse in academic writing: A multidisciplinary corpus-based study of expert & student texts (Doctoral dissertation, University of Kent).
34. Menkabu A. Stance and engagement in postgraduate writing: a comparative study of English NS and Arab EFL student writers in Linguistics and Literature (Doctoral dissertation, University of Essex).
35. Dueñas PM. 'I/we focus on...': A cross-cultural analysis of self-mentions in business management research articles. *Journal of English for Academic Purposes*. 2007;6(2):143-62;Available from: <https://doi.org/10.1016/j.jeap.2007.05.002>.
36. Kafes H. The use of authorial self-mention words in academic writing. *International Journal of Language Academy*. 2017;5(3).

Self-mention in English MA theses written by Vietnamese students

Phuong Dzung Pho*, Thi Phuong Dung Cao



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

As English increasingly serves as a vital tool in global scientific research, the ability to write academically with a clear authorial voice and stance is becoming increasingly important. This study examines the use of self-mention terms in theses written in English by Vietnamese students in the Master's program in TESOL. The specific objectives of the study are to analyze the frequency and functions of self-mention terms in these theses, focusing on: (1) identifying the frequency of self-mention terms and (2) exploring their rhetorical functions. The study employs both quantitative and qualitative methods, using a corpus of 30 Master's theses defended between 2020 and 2024. The results show that singular first-person pronouns dominate the texts, particularly 'I' and 'my,' while plural first-person pronouns are very rare. Although first-person singular pronouns appear more frequently, the overall trend still leans towards using third-person nouns to maintain objectivity. The most common function of self-mention terms is to explain the research process, whereas defining terms and stating limitations are functions where students use self-mention terms the least. The study clarifies the use of self-mention terms in academic writing and provides valuable data for Vietnamese students.

Key words: self-mention terms, authorial stance, English academic writing, rhetorical functions, Master's theses

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Correspondence

Phuong Dzung Pho, University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Email:
phophuongdung@hcmussh.edu.vn

History

- Received: 07-8-2024
- Revised: 22-01-2025
- Accepted: 14-02-2025
- Published Online: 31-3-2025

DOI :

<https://doi.org/10.32508/stdjssh.v9i1.1051>



Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Pho P D, Cao T P D. **Self-mention in English MA theses written by Vietnamese students.** *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2025; 9(1):2870-2884.